

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI GIAO - BỘ CÔNG AN

**BỘ TƯ PHÁP - BỘ NGOẠI
GIAO - BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 15/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an,

Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an thống nhất như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam, cụ thể:

“1. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam

a) Khi có nhu cầu xác nhận có quốc tịch Việt Nam, người yêu cầu có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở

nước ngoài nơi người đó cư trú (trong trường hợp ở nước đó không có Cơ quan đại diện thì nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện kiêm nhiệm hoặc Cơ quan đại diện nơi thuận tiện nhất) hoặc Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

b) Hồ sơ đề nghị xác nhận có quốc tịch Việt Nam bao gồm:

- Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam (*theo mẫu* TP/QT-2013-TKXNCQTVN) kèm 02 ảnh 4 x 6;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ được quy định tại Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 hoặc giấy tờ tương tự do chính quyền cũ trước đây cấp, kể cả giấy khai sinh trong đó không có mục quốc tịch hoặc mục quốc tịch bỏ trống nếu trên đó ghi họ tên Việt Nam (họ tên người yêu cầu, họ tên cha, mẹ);

- Tờ khai lý lịch và các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA trong trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch nêu trên.

c) Giải quyết của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp:

Đối với trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp chủ động kiểm tra, đối chiếu danh sách những người đã được thôi quốc tịch Việt Nam hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam. Trường hợp khẳng định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (*theo mẫu* TP/QT-2013-GXNCQTVN).

Đối với trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam:

- Trường hợp không có đủ giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam:

+ Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tiến hành thủ tục xác minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA (đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện).

+ Sở Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp và Công an cấp tỉnh nơi người yêu cầu đang cư trú hoặc nơi thường trú cuối cùng của người đó ở Việt Nam tiến hành xác minh (đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp).

- Trường hợp nghi ngờ tính xác thực của giấy tờ trong hồ sơ, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan, tổ chức liên quan tra cứu, kiểm tra, xác minh;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu, kiểm tra, xác minh, Bộ Tư pháp hoặc cơ quan, tổ chức liên quan có văn bản trả lời. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tra cứu, kiểm tra, xác minh, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp xem xét và cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam (*theo mẫu* TP/QT-2013-GXNCQTVN) nếu xác định được người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam.

- Trường hợp sau khi tiến hành tra cứu, kiểm tra, xác minh, vẫn không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu có quốc tịch Việt Nam thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

2. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

a) Khi có nhu cầu xác nhận là người gốc Việt Nam, người yêu cầu có thể nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi người đó cư trú (trong trường hợp ở nước đó không có Cơ quan đại diện thì nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện kiêm nhiệm hoặc Cơ quan đại diện nơi thuận tiện nhất) hoặc Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài - Bộ Ngoại giao hay Sở Tư pháp nơi người đó cư trú.

b) Hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam bao gồm:

- Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam (*theo mẫu* TP/QT-2013-TKXNLNGVN), kèm 02 ảnh 4 x 6;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch Việt Nam được xác định theo nguyên tắc huyết thống hoặc có cha hoặc mẹ, ông nội hoặc bà nội, ông ngoại hoặc bà ngoại đã từng có quốc tịch Việt Nam theo huyết thống;

- Giấy tờ khác có liên quan làm căn cứ để tham khảo bao gồm:

+ Giấy tờ về nhân thân, hộ tịch, quốc tịch được nêu tại khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy bảo lãnh của Hội đoàn người Việt Nam ở nước mà người yêu cầu đang cư trú, trong đó xác nhận người đó có gốc Việt Nam;

+ Giấy bảo lãnh của người có quốc tịch Việt Nam, trong đó xác nhận người yêu cầu có gốc Việt Nam;

+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp trong đó ghi quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch gốc Việt Nam (bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c) Giải quyết của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Sở Tư pháp:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị xác nhận là người gốc Việt Nam, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài hoặc Sở Tư pháp xem xét các giấy tờ do người yêu cầu xuất trình và kiểm tra, đối chiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu có liên quan đến quốc tịch (nếu có), nếu xét thấy có đủ cơ sở để xác định người đó có nguồn gốc Việt Nam thì cấp cho người đó Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (theo mẫu TP/QT-2013-GXNLNGVN).

- Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định người yêu cầu là người gốc Việt Nam, thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho người đó biết.

3. Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này 04 loại mẫu giấy tờ cho việc cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam và Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam:

- Tờ khai xác nhận có quốc tịch Việt Nam, mẫu: TP/QT- 2013- TKXNCQTVN;
- Tờ khai xác nhận là người gốc Việt Nam, mẫu: TP/QT- 2013- TKXNLNGVN;
- Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam, mẫu: TP/QT- 2013- GXNCQTVN;
- Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam, mẫu: TP/QT- 2013- GXNLNGVN.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2013.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân phản ánh về Bộ Tư pháp để phối hợp với Bộ Ngoại giao và Bộ Công an kịp thời hướng dẫn./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

Trung tướng Tô Lâm

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NGOẠI GIAO
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Sơn

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**

Đinh Trung Tụng